

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND - NV

Định Hóa, ngày tháng 3 năm 2024

V/v kết quả đánh giá chất lượng
phục vụ người dân, doanh nghiệp
trong giải quyết thủ tục hành
chính, cung cấp dịch vụ công trên
cổng DVCQG tháng 02 năm 2024

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- Các cơ quan đơn vị đóng trên địa bàn huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử. UBND huyện thông báo kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử huyện Định Hóa tháng 02 năm 2024, như sau:

1. Điểm số các trục nội dung Bộ chỉ số trên Cổng DVCQG

1.1. Điểm số trục nội dung Công khai minh bạch đạt **10,5/18 điểm, giảm 2,3 điểm so với tháng 01/2024.**

1.2. Điểm số trục nội dung Tiến độ giải quyết đạt **19,1/20 điểm, tăng 0,8 điểm so với tháng 12/2023.**

1.3. Điểm số trục nội dung Dịch vụ công trực tuyến đạt **6,9/12 điểm, giảm 0,3 điểm so với tháng 01/2024.**

1.4. Điểm số trục nội dung Thanh toán trực tuyến đạt **10/10 điểm, tăng 0,1 điểm so với tháng 01/2024.**

1.5. Điểm số trục nội dung Mức độ hài lòng đạt **18/18 điểm, giữ nguyên điểm số so với tháng 01/2024.**

1.6. Điểm số trục nội dung Số hóa hồ sơ, kết quả TTHC đạt **18,6/22 điểm, giảm 1,2 điểm so với tháng 01/2024.**

1.7. Điểm tổng hợp đạt **83,3/100 điểm, giảm 3,5 điểm; xếp hạng 3/9 huyện, thành phố và tăng 01 bậc trên bảng xếp hạng so với tháng 01 năm 2024.**

2. Tổng hợp chi tiết số liệu của huyện Định Hóa

(Chi tiết tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-tonghop.html> và Phụ lục kèm theo)

3. Chủ tịch UBND huyện yêu cầu

UBND Các xã, thị trấn có các Chỉ số, số lượng, tỷ lệ giảm được thể hiện chi tiết tại phụ lục số II, III, IV, V, VI, phân tích, đánh giá và có biện pháp khắc phục kịp thời.

Trên đây là thông báo thống kê số liệu Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử của huyện Định Hóa tháng 02 năm 2024 trên Cổng dịch vụ công quốc gia. UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện có giải pháp khắc phục những nội dung giảm điểm so với tháng 01/2024; tổ chức thông báo công khai đến các cơ quan, đơn vị, nhân dân được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các cơ quan trên địa bàn huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Tú

PHỤ LỤC I. BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU THÁNG 02 NĂM 2024
(Kèm theo Công văn số /UBND- NV ngày /3/2024 của UBND huyện)

Số TT	Nội dung	Thống kê trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 30/01/2024		Thống kê trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 29/02/2024		Tăng (+)/Giảm (-) so với ngày 30/01/2024
		Số liệu	Tỷ lệ (%)	Số liệu	Tỷ lệ (%)	
I	Công khai, minh bạch					
1.1	Số TTHC công khai trên Cổng DVC quốc gia/tổng số TTHC	1764/1764	100%	1775/1775		-100%
1.2	Số hồ sơ tiếp nhận đã đồng bộ					
a)	Hồ sơ đã đồng bộ	3.863	70,63%	2.950	57,82%	-913
b)	Hồ sơ chưa đồng bộ	1.591	29,17%	2.152	42,18%	561
II	Tiến độ giải quyết					
2.1	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn		96,91%		97,16%	0,25%
2.2	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết quá hạn (chi tiết tại Phụ lục số II)		3,09%		2,84%	0%
III	Dịch vụ công trực tuyến					
3.1	TTHC cung cấp DVCTT một phần	35	11,51%	35	11,86%	0%
3.2	TTHC cung cấp DVCTT toàn trình	79	25,99%	79	26,78%	1%
3.3	Còn lại	109	62,50%	181	61,36%	-1%
3.4	Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến (Chi tiết tại Phụ lục số III)					

a)	Hồ sơ nộp trực tuyến		93,63%		84,91%	-8,7%
b)	Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác		6,37%		15,09%	8,7%
3.5	Kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến với hồ sơ đang xử lý					0,0%
a)	Hồ sơ xử lý đúng hạn		99,18%		98,81%	0%
b)	Hồ sơ xử lý quá hạn		0,82%		1,19%	0%
3.6	Tỷ lệ DVC trực tuyến có phát sinh hồ sơ		13,60%		8,80%	-5%
3.7	Số lượng tăng trưởng DVC trực tuyến	996		996		0%
IV	Thanh toán trực tuyến					0%
4.1	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia					0%
a)	Cung cấp trên cổng DVC Quốc gia	60	100%	60	100%	0%
b)	Chưa tích hợp, cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến					0%
4.2	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến					0%
a)	Thanh toán trực tuyến	2.955	93,75%	2.578	94,09%	0%
b)	Thanh toán trực tiếp và hình thức khác	197	6,25%	162	5,91%	0%
4.3	Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến					0%
a)	Thanh toán trực tuyến	105	59,32%	93	57,06%	-2%
b)	Thanh toán trực tiếp và hình thức khác	72	40,68%	70	42,94%	2%

V	Mức độ hài lòng					
5.1	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị		100%		100%	0%
5.2	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC		100%		100%	0%
5.3	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị theo phân loại					
a)	<i>Kiến nghị về những vướng mắc, bất cập về quy định hành chính</i>					
b)	<i>Phản ánh về hành vi của cán bộ, công chức, viên chức</i>					
VI	Số hóa kết quả hồ sơ TTHC					
6.1	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả TTHC được số hóa hồ sơ (<i>Chi tiết Phụ lục số IV</i>)		92,83%		82,61%	-10%
6.2	Tỷ lệ hồ sơ được cấp kết quả điện tử (<i>Chi tiết Phụ lục số V</i>)		95,07%		84,58%	-10%
6.3	Số lượng tài khoản Cổng DVC quốc gia được xác thực với cơ sở dữ liệu quốc gia Dân cư	840.407		852.268		11.861
6.4	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2.539	92,16%	2.104	89,42%	-2,74%
VI	ĐIỂM TỔNG HỢP VÀ XẾP HẠNG (CHI TIẾT PHỤ LỤC VI)	Đạt 86,8/100 điểm; xếp hạng 04/9 huyện, thành phố.		Đạt 83,3/100 điểm; xếp hạng 03/9 huyện, thành phố.		Giảm 3,5 điểm, tăng 01 bậc trên bảng xếp hạng

**PHỤ LỤC SỐ II. THÔNG KÊ CHI TIẾT HỒ SƠ QUÁ HẠN CỦA UBND CẤP
XÃ, UBND CẤP HUYỆN THÁNG 02 NĂM 2024**

(Kèm theo Công văn số /UBND- NV ngày /3/2024 của UBND huyện)

Số TT	Nội dung	Số lượng hồ sơ quá hạn trên Công DVCQG			Số lượng hồ sơ quá hạn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên		
		Số lượng hồ sơ quá hạn ngày 30/01/2024	Số lượng hồ sơ quá hạn ngày 29/02/2024	Tăng (+)/Giảm (-) so với ngày 30/01/2024	Số lượng hồ sơ quá hạn ngày 30/01/2024	Số lượng hồ sơ quá hạn ngày 29/02/2024	Tăng (+)/Giảm (-) so với ngày 30/01/2024
1	UBND huyện Định Hóa	<u>69</u>	<u>33</u>	<u>-36</u>	-	-	<u>0</u>
2	UBND thị trấn Chợ Chu	-	-	<u>0</u>	-	-	<u>0</u>
3	UBND xã Bảo Cường	-	-	<u>0</u>	-	-	<u>0</u>
4	UBND xã Bảo Linh	<u>2</u>	<u>1</u>	<u>-1</u>	-	-	<u>0</u>
5	UBND xã Bình Thành	-	-	<u>0</u>			<u>0</u>
6	UBND xã Bình Yên	-	-	<u>0</u>			<u>0</u>
7	UBND xã Bộc Nhiêu	<u>11</u>	-	<u>-11</u>	-	-	<u>0</u>
8	UBND xã Điềm Mặc	-	-	<u>0</u>	-	-	<u>0</u>
9	UBND xã Định Biên	-	-	<u>0</u>			<u>0</u>
10	UBND xã Đồng Thịnh	<u>1</u>	-	<u>-1</u>	-	-	<u>0</u>
11	UBND xã Kim Phụng	<u>3</u>	<u>7</u>	<u>4</u>			<u>0</u>
12	UBND xã Lam Vỹ	<u>3</u>	-	<u>-3</u>			<u>0</u>
13	UBND xã Linh Thông	-	-	<u>0</u>	<u>1</u>	<u>1</u>	<u>0</u>
14	UBND xã Phú Đình	-	-	<u>0</u>			<u>0</u>
15	UBND xã Phú Tiến	-	-	<u>0</u>			<u>0</u>
16	UBND xã Phúc Chu	-	-	<u>0</u>	-	-	<u>0</u>
17	UBND xã Phượng Tiến	-	-	<u>0</u>			<u>0</u>
18	UBND xã Quy Kỳ	<u>2</u>	<u>10</u>	<u>8</u>	-	-	<u>0</u>
19	UBND xã Sơn Phú	-	-	<u>0</u>	-	-	<u>0</u>
20	UBND xã Tân Dương	-	-	<u>0</u>		<u>1</u>	<u>1</u>
21	UBND xã Tân Thịnh	-	-	<u>0</u>	-	-	<u>0</u>
22	UBND xã Thanh Định	-	<u>1</u>	<u>1</u>	-	<u>1</u>	<u>1</u>
23	UBND xã Trung Hội	<u>1</u>	-	<u>-1</u>			<u>0</u>
24	UBND xã Trung Lương	-	<u>2</u>	<u>2</u>	-	-	<u>0</u>
	TỔNG SỐ	<u>92</u>	<u>54</u>	<u>-38</u>	<u>1</u>	<u>3</u>	<u>2</u>

PHỤ LỤC SỐ III. THỐNG KÊ TỶ LỆ NỘP HỒ SƠ TRỰC TUYẾN THÁNG 02 NĂM 2024

(Kèm theo Công văn số /UBND- NV ngày /3/2024 của UBND huyện)

Số TT	Nội dung	Tỷ lệ nộp HS trực tuyến ngày 30/01/2024 (%)	Tỷ lệ nộp HS trực tuyến ngày 29/02/2024 (%)	Tăng (+)/Giảm(-) so với ngày 30/01/2024 (%)
1	UBND thị trấn Chợ Chu	95,5%	94,6%	-0,9%
2	UBND xã Bảo Cường	96,2%	94,5%	-1,7%
3	UBND xã Bảo Linh	96,0%	89,7%	-6,3%
4	UBND xã Bình Thành	99,3%	100,0%	0,7%
5	UBND xã Bình Yên	99,3%	97,1%	-2,2%
6	UBND xã Bộc Nhiêu	96,5%	98,2%	1,7%
7	UBND xã Diêm Mặc	99,4%	46,7%	-52,7%
8	UBND xã Định Biên	99,2%	76,5%	-22,7%
9	UBND xã Đồng Thịnh	83,1%	45,1%	-38,0%
10	UBND xã Kim Phụng	100,0%	74,3%	-25,7%
11	UBND xã Lam Vỹ	96,7%	96,0%	-0,7%
12	UBND xã Linh Thông	98,5%	97,8%	-0,7%
13	UBND xã Phú Đình	94,9%	90,3%	-4,6%
14	UBND xã Phú Tiến	95,1%	98,0%	2,9%
15	UBND xã Phúc Chu	89,6%	80,2%	-9,4%
16	UBND xã Phượng Tiến	98,0%	94,1%	-3,9%
17	UBND xã Quy Kỳ	100,0%	96,9%	-3,1%
18	UBND xã Sơn Phú	100,0%	100,0%	0,0%
19	UBND xã Tân Dương	87,2%	89,8%	2,6%
20	UBND xã Tân Thịnh	77,1%	80,4%	3,3%
21	UBND xã Thanh Định	100,0%	99,0%	-1,0%
22	UBND xã Trung Hội	99,0%	97,2%	-1,8%
23	UBND xã Trung Lương	99,3%	100,0%	0,7%

**PHỤ LỤC IV. BIỂU TỔNG HỢP CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC ĐIỆN TỬ BẢN
SAO TỪ BẢN CHÍNH THẮNG 02 NĂM 2024**

(Kèm theo Công văn số /UBND- NV ngày /3/2024 của UBND huyện)

STT	Địa phương	Thống kê trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 30/01/2024		Thống kê trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 29/02/2024		Tăng (+)/Giảm(-) so với ngày 30/01/2023
		Đã triển khai	Số lượng hoàn thành	Đã triển khai	Số lượng hoàn thành	
1	UBND thị trấn Chợ Chu	1/1	2380	1/1	2509	129
2	UBND xã Bảo Cường	1/1	1881	1/1	1962	81
3	UBND xã Bảo Linh	1/1	1062	1/1	1175	113
4	UBND xã Bình Thành	1/1	2081	1/1	2206	125
5	UBND xã Bình Yên	1/1	629	1/1	688	59
6	UBND xã Bộc Nhiêu	1/1	1186	1/1	1219	33
7	UBND xã Diềm Mặc	1/1	275	1/1	454	179
8	UBND xã Định Biên	1/1	1120	1/1	1190	70
9	UBND xã Đồng Thịnh	1/1	683	1/1	711	28
10	UBND xã Kim Phụng	1/1	1147	1/1	1236	89
11	UBND xã Lam Vỹ	1/1	1770	1/1	1936	166
12	UBND xã Linh Thông	1/1	1349	1/1	1431	82
13	UBND xã Phú Đình	1/1	2195	1/1	2460	265
14	UBND xã Phú Tiến	1/1	818	1/1	861	43
15	UBND xã Phúc Chu	1/1	715	1/1	782	67
16	UBND xã Phượng Tiến	1/1	815	1/1	880	65
17	UBND xã Quy Kỳ	1/1	931	1/1	964	33
18	UBND xã Sơn Phú	1/1	1049	1/1	1150	101
19	UBND xã Tân Dương	1/1	522	1/1	572	50
20	UBND xã Tân Thịnh	1/1	1457	1/1	1569	112
21	UBND xã Thanh Định	1/1	1359	1/1	1463	104
22	UBND xã Trung Hội	1/1	2345	1/1	2440	95
23	UBND xã Trung Lương	1/1	1409	1/1	1482	73
24	Phòng Tư pháp - Định Hóa	0/1	89	0/1	94	5
TỔNG CỘNG :			16823		18084	1261

**PHỤ LỤC V. TỶ LỆ HỒ SƠ TTHC SỐ HÓA HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
TTHC THÁNG 02 NĂM 2024**

(Kèm theo Công văn số /UBND- NV ngày /3/2024 của UBND huyện)

STT	Địa phương	Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC 30/01/2024	Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC 29/02/2024	Tăng (+)/Giảm(-) so với ngày 30/01/2023 (%)
1	UBND thị trấn Chợ Chu	89,50%	89,00%	-0,50%
2	UBND xã Bảo Cường	90,40%	89,30%	-1,10%
3	UBND xã Bảo Linh	89,60%	87,90%	-1,70%
4	UBND xã Bình Thành	91,40%	91,40%	0,00%
5	UBND xã Bình Yên	91,10%	89,80%	-1,30%
6	UBND xã Bộc Nhiêu	89,10%	87,90%	-1,20%
7	UBND xã Điềm Mặc	91,00%	58,30%	-32,70%
8	UBND xã Định Biên	85,10%	74,70%	-10,40%
9	UBND xã Đồng Thịnh	82,70%	58,10%	-24,60%
10	UBND xã Kim Phượng	91,70%	82,40%	-9,30%
11	UBND xã Lam Vỹ	90,20%	89,50%	-0,70%
12	UBND xã Linh Thông	90,60%	90,20%	-0,40%
13	UBND xã Phú Đình	90,10%	87,20%	-2,90%
14	UBND xã Phú Tiến	89,20%	90,50%	1,30%
15	UBND xã Phúc Chu	90,30%	87,60%	-2,70%
16	UBND xã Phượng Tiến	91,40%	88,70%	-2,70%
17	UBND xã Quy Kỳ	91,40%	90,20%	-1,20%
18	UBND xã Sơn Phú	91,40%	91,40%	0,00%
19	UBND xã Tân Dương	85,50%	87,50%	2,00%
20	UBND xã Tân Thịnh	87,00%	82,00%	-5,00%
21	UBND xã Thanh Định	91,40%	91,00%	-0,40%
22	UBND xã Trung Hội	91,70%	90,80%	-0,90%
23	UBND xã Trung Lương	91,00%	91,30%	0,30%

**PHỤ LỤC VI. BIỂU ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG ĐƠN VỊ XÃ, THỊ TRẤN
THÁNG 02 NĂM 2024**

(Kèm theo Công văn số /UBND- NV ngày /3/2024 của UBND huyện)

XẾP HẠNG	ĐƠN VỊ	TĂNG, GIẢM	GHI CHÚ
1	UBND xã Phúc Chu - tỉnh Thái Nguyên	92,09	
		0,52	Tăng 0,52 điểm
2	UBND xã Phú Tiến - tỉnh Thái Nguyên	90,96	
		7,16	Tăng 7,16 điểm
3	UBND xã Lam Vỹ - tỉnh Thái Nguyên	90,22	
		3,08	Giảm 3,08 điểm
4	UBND xã Phú Đình - tỉnh Thái Nguyên	89,71	
		2,83	Tăng 2,83 điểm
5	UBND xã Bình Yên - tỉnh Thái Nguyên	89,23	
		4,39	Giảm 4,39 điểm
6	UBND xã Bảo Linh - tỉnh Thái Nguyên	86,97	
		3,04	Tăng 3,04 điểm
7	UBND xã Sơn Phú - tỉnh Thái Nguyên	86,68	
		0,91	Giảm 0,91 điểm
8	UBND xã Bình Thành - tỉnh Thái Nguyên	86,02	
		4,06	Tăng 4,06 điểm
9	UBND xã Kim Phụng - tỉnh Thái Nguyên	85,57	
		7,02	Giảm 7,02 điểm
10	UBND xã Tân Thịnh - tỉnh Thái Nguyên	85,15	
		4,9	Giảm 4,9 điểm
11	UBND xã Linh Thông - tỉnh Thái Nguyên	84,22	
		3,45	Tăng 3,45 điểm
12	UBND xã Trung Hội - tỉnh Thái Nguyên	83,92	
		6,43	Giảm 6,43 điểm
16	UBND xã Phượng Tiến - tỉnh Thái Nguyên	82,85	
		10,66	Giảm 10,66 điểm
14	UBND xã Diêm Mặc - tỉnh Thái Nguyên	82,74	
		8,78	Giảm 8,78 điểm
15	UBND xã Quý Kỳ - tỉnh Thái Nguyên	82,53	
		1,08	Giảm 1,08 điểm

16	UBND xã Định Biên - tỉnh Thái Nguyên	82,47	
		2,12	Giảm 2,12 điểm
17	UBND xã Trung Lương - tỉnh Thái Nguyên	80,59	
		12,94	Giảm 12,94 điểm
18	UBND xã Bảo Cường - tỉnh Thái Nguyên	79,63	
		5,89	Giảm 5,89 điểm
19	UBND xã Tân Dương - tỉnh Thái Nguyên	78,1	
		10,47	Giảm 10,47 điểm
20	UBND xã Thanh Định - tỉnh Thái Nguyên	77,35	
		7,7	Giảm 7,7 điểm
21	UBND xã Bộc Nhiêu - tỉnh Thái Nguyên	76,53	
		6,08	Giảm 6,08 điểm
22	UBND xã Đồng Thịnh - tỉnh Thái Nguyên	75,36	
		13,2	Giảm 13,2 điểm
23	UBND thị trấn Chợ Chu - tỉnh Thái Nguyên	74,68	
		12,07	Giảm 12,07 điểm